

Số: /BC-HĐT

Nghĩa Tân, ngày 20 tháng 9 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG TRƯỜNG NĂM HỌC 2023- 2024**  
**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM HỌC 2024 - 2025**

Căn cứ Luật giáo dục số 43/2019 QH14;

Căn cứ Luật 10/2023; Thông tư 11/2020/TT-BGD&ĐT, ngày 19/5/2020 của Bộ GD & ĐT hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư số 52/TT- BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường mầm non;

Thông tư 11/2020/TT-BGD&ĐT, ngày 19/5/2020 của Bộ GD & ĐT hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Nghị định 24/2021/NĐ-CP, ngày 23/3/2021 Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non;

Thông tư 09/TT-BGDĐT, ngày 03/6/2024 Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục trong hệ thống công lập;

Căn cứ Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của UBND thành phố Gia Nghĩa về việc thành lập Hội đồng trường MN Hoa Phượng Vàng;

Thực hiện Kế hoạch số 72/KH-PGDĐT ngày 18/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa ban hành Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non;

Hội đồng trường báo cáo kết quả hoạt động của nhà trường năm học 2023-2024 và xây dựng kế hoạch năm học 2024 - 2025 như sau:

**I. Đánh giá công tác tổ chức và thực hiện năm học 2023-2024**

**1. Công tác tổ chức:**

Năm học 2023-2024 triển khai toàn diện các mặt hoạt động liên quan đến công tác tổ chức. Thực hiện phân công nhiệm vụ theo đúng chức năng, nhiệm vụ đảm bảo việc bố trí và sử dụng đúng người đúng việc. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CB-GV-NV; bồi dưỡng tin học, cử CBVC tham gia đầy đủ các lớp học bồi dưỡng theo yêu cầu cấp trên,

Thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, viên chức: thực hiện đúng các chế độ nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn; đề nghị bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp theo Thông tư 01, 08; chế độ bảo hiểm, nghỉ phép cho CBVC; Tổ chức xét duyệt thi đua theo qui chế thi đua khen thưởng.

Triển khai và thực hiện qui định về chế độ làm việc của CB-GV-NV theo Thông tư 48/2011/TT-BGD&ĐT, ngày 25/10/2011 của Bộ GD&ĐT về quy định chế độ làm việc đối với giáo dục mầm non.

**2. Thực hiện qui chế dân chủ:**

Thực hiện quy định trong Luật Giáo dục số 43/QH14, Luật 10/2023; Thông tư 11/2020/TT-BGD&ĐT, ngày 19/5/2020 của Bộ GD & ĐT hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập; Thông tư

36/2017/TT-BGD&ĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về thực hiện công khai trong trường học thực hiện có hiệu quả các nội dung quy định trong Bộ Luật lao động, Luật Công đoàn 2012. Công văn Hướng dẫn của phòng Giáo dục & Đào tạo về việc thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của đơn vị trường học.

Xây dựng và ban hành qui định về thực hiện qui chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; Hội đồng khen thưởng - kỷ luật theo yêu cầu công việc; Hội nghị VC,NLĐ hàng năm...

Thực hiện công khai các quyền lợi có liên quan đến cán bộ, viên chức và người học; sử dụng tài sản; nâng ngạch, nâng bậc lương, chuyển chuyên điều động giáo viên; khen thưởng. Thực hiện giám sát, kiểm tra các hoạt động trong nhà trường thông qua hoạt động của Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân, các hoạt động kiểm tra tài chính của ngành.

### **3. Về công tác quản lý, chăm sóc, giáo dục:**

BGH và tập thể GV-NV trong nhà trường đã tích cực, nỗ lực trong mọi hoạt động, đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch được đề ra trong Hội nghị CBCCVC:

Về chất lượng GD của HS

\* Chất lượng các lĩnh vực:

- Phát triển nhận thức: 87,5%;
- Phát triển ngôn ngữ: 89%;
- Phát triển thẩm mỹ : 86%;
- Phát triển thể chất: 90%;
- Phát triển tình cảm xã hội: 88%.

Bình quân chung: 85%

Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe:

- 100% trẻ được tổ chức cân đo hằng quý, được khám sức khỏe và theo dõi trên biểu đồ cá thể cũng như theo dõi sổ sức khỏe các nhân trẻ. Trong năm học không để xảy ra tai nạn gì đối với trẻ ở các lớp.

- Đối với trẻ bán trú nhà trường đã tổ chức cho trẻ ăn 02 bữa/ ngày. Thực hiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Trong các năm học vừa qua không có trường hợp ngộ độc thực phẩm tại trường.

- 100% trẻ được uống nước sạch đầy đủ ở lớp và thực hiện vệ sinh cá nhân sạch sẽ.

- Tổng số trẻ được cân đo và khám theo dõi sức khỏe: 579 trẻ. Trong đó;

- Cân nặng: Trẻ có cân nặng phát triển bình thường: 561 trẻ, tỷ lệ 96,9% .Trẻ suy dinh dưỡng: 0 trẻ, trẻ thừa cân 18 cháu tỷ lệ: 3,1 %.

- Chiều Cao: Trẻ có chiều cao phát triển bình thường: 571 trẻ, tỷ lệ: 98,62%; Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi: 8 trẻ , tỷ lệ: 1,38% .

\* Kết quả đánh giá, phân loại CBVC năm học 2023-2024

Xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 8/38 đ/c, đạt tỉ lệ 21%; tốt: 29 đ/c tỉ lệ 76,3%; 01 hoàn thành nhiệm vụ 2.7%

\* Kết quả đánh giá xếp loại tập thể lãnh đạo Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ; kết quả xếp loại đơn vị Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

\* Kết quả thi đua khen thưởng:

- Có 39/41 cá nhân được đề nghị cấp trên khen thưởng danh hiệu lao động tiên tiến đạt tỷ lệ 95%. Trong đó có 10 cá nhân được đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, 02 cá nhân đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Tập thể: đạt danh hiệu tập thể lao động Xuất sắc.

- Công đoàn xuất sắc;

- Chi đoàn xuất sắc 2023;

- Đơn vị văn hóa 2023

- Chi bộ HTXSNV năm 2023

#### **4. Về quản lý tài chính, huy động nguồn lực cho nhà trường**

*a) Công tác quản lý tài chính và cơ sở vật chất*

- Trong năm học 2023-2024, công tác quản lý tài chính trong nhà trường đã đạt được một số kết quả sau đây:

- Sử dụng đúng và hợp lí ngân sách được giao, đảm bảo được kinh phí cho các hoạt động thường xuyên, quản lý có hiệu quả các khoản thu chi trong quy định, thực hiện đúng theo qui chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, chi trả lương và các chế độ khác đúng và kịp thời.

- Tiết kiệm nguồn kinh phí chi thường xuyên: mua 1 tivi 85 in trị giá 37,330,000đ ; mua bộ bạch tuyết và bảy chú lùn, cặp hươu 19,800,000đ; thảm xóp 44,530,000đ; mua thêm 16 quạt treo tường cho các lớp 8,320,000đ; sửa chữa hệ thống điện, nước; thay mới máy bơm nước 6,500,000đ; sửa chữa, nâng cấp sân trường 25,550,000đ ; đồ dùng, đồ chơi, sơn mới ; bảo trì bảo dưỡng hệ thống điện, nước 15,036,000đ và một số hạng mục phòng cháy, máy vi tính, máy in, hệ thống internet, camera...;

- Được cấp bàn ghế học sinh 38,922,000đ

- Đưa vào sử dụng có hiệu quả trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi, thực hiện việc kiểm kê, kiểm tra định kì, quản lí bảo quản chặt chẽ.

*b) Công tác huy động nguồn lực cho nhà trường:*

Thực hiện các khoản thu đầu cấp, thu hàng năm để thực hiện chi theo kế hoạch

Công tác thu chi tài chính rõ ràng, có chứng từ đầy đủ, sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí. Kế toán báo cáo thanh quyết toán kịp thời, hồ sơ sổ sách lưu trữ khoa học, đầy đủ, theo quy định.

#### **5. Các khoản thu chi năm học 2023-2024**

##### **5.1. Học phí:**

\* Tổng thu: 156,421,000đ (Một trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi một ngàn đồng chẵn)

\* Tổng nộp kho bạc: 156,421,000đ (Một trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi một ngàn đồng chẵn)

## **5.2. Thu, chi dịch vụ ( thu hộ, chi hộ) phục vụ bán trú**

### **a. Chăm sóc nuôi dưỡng:**

\* Tiền ăn: Thu 25.000đ/em/ngày. Trong đó. Ăn bữa chính, ăn bữa xế: 21.000đ/học sinh/ngày. (rau và thực phẩm tươi sống, đậu xanh, gạo, bún, phở, nui, rau câu, sữa chua...); Chi khác: 4.000đ (Ga, điện, nước sinh hoạt, nước rửa chén, xà bông, nước lau sàn, bao tay, giấy lau ( giấy vệ sinh), khẩu trang, sát khuẩn ...

\* Tiền thuê người nấu ăn: 100.000đ/trẻ/tháng

- Tổng thu: 512.010.000đ (Năm trăm mười hai triệu không trăm mười ngàn đồng)

- Tổng chi: 512.010.000đ (Năm trăm mười hai triệu không trăm mười ngàn đồng)

### **b. Chăm sóc giấc ngủ. 120.000đ/trẻ/tháng**

- Tổng thu: 611.439.800đ ( Sáu trăm mười một triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn tám trăm đồng chẵn)

- Tổng chi: 611.439.800đ ( Sáu trăm mười một triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn tám trăm đồng chẵn)

## **5.3. Tiền trang bị đầu cấp, trang bị hàng năm**

- Thu: 70,769,000đ ( Bảy mươi triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn đồng chẵn)

- Tồn năm học 2022-2023 chuyển qua: 11,005,680đ ( Mười một triệu không trăm lẻ năm ngàn sáu trăm tám mươi đồng chẵn).

- Tổng thu: 81,774,680đ ( Tám mươi một triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn sáu trăm tám mươi đồng chẵn).

- Tổng chi: 81,774,680đ ( Tám mươi một triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn sáu trăm tám mươi đồng chẵn). Trong đó, đã chi thanh toán mua nồi cơm điện, bồn nước, máy xay thịt, chân, trụ bồn nước, năng lượng mặt trời...

## **5.4. Tiền nước uống:**

- Tổng thu: 41,955.000đ ( Bốn một triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn đồng)

- Tổng chi: 41,955.000đ ( Bốn một triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn đồng)

**5.5. Trang thiết bị cá nhân đối với học sinh ăn ở bán trú** ( khăn mặt, bàn chải đánh răng...: 30.000đ/trẻ/năm học

- Tổng thu: 17,610,000đ ( Mười bảy triệu sáu trăm mười ngàn đồng chẵn)

- Tổng chi: 17,610,000đ ( Mười bảy triệu sáu trăm mười ngàn đồng chẵn)

**5.6. Tiền thuê người vệ sinh:** 10.000đ/học sinh/tháng

- Tổng thu: 52,316,000đ (Năm mươi hai triệu ba trăm mười sáu ngàn đồng chẵn)

- Tổng chi: 49.630.000đ (Bốn mươi chín triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng chẵn)

- Tồn: 2.686.000đ (Hai triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn đồng chẵn)  
chuyển sang năm học 2024-2025. Do chi sai nguồn

\* Ghé ngồi chào cờ

- Tổng thu: 4,900,000đ( Bốn triệu chín trăm ngàn đồng chẵn)

- Tổng chi: 4,900,000đ( Bốn triệu chín trăm ngàn đồng chẵn)

**5.7. Quỹ Ban đại diện CMHS:** thực hiện theo Thông tư 55/2011

- Tổng thu: 11,660,000đ ( Mười một triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng)

- Tổng chi: 11,660,000đ ( Mười một triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng)

\* Nội dung chi:

- Chi nước uống hợp ban đại diện trong năm học: 1.380.000đ

- Chi thăm hỏi học sinh có hoàn cảnh khó khăn: 8.780.000đ

- Tặng hoa chúc mừng nhà trường 20/11: 1.500.000đ.

Các chế độ chính sách giải quyết kịp thời, đúng đối tượng. Thực hiện đúng Thông tư 36/2017 của Bộ GD&ĐT về thực hiện công khai trong trường học (công khai chất lượng giáo dục, công khai tài chính và điều kiện chất lượng CSVN). Thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí trong nhà trường.

**5.8. Tài trợ tự nguyện:** theo Thông tư 16/2018 ( Không thực hiện)

## **6. Về tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường**

Hội đồng trường đã duy trì hoạt động theo phân công cụ thể, tuy công việc chồng chéo nhưng đã thực hiện được công tác giám sát.

Việc họp định kì của Hội đồng trường được tổ chức họp 1-2 lần/năm học.

## **II. Kế hoạch hoạt động năm học 2024-2025**

### **1. Phát triển trường lớp**

Tổng số lớp học: 17 lớp;

Stt	Khối lớp	Số lớp	Số học sinh	HS nữ	HS dân tộc	HS nữ dân tộc	Hộ nghèo	Khó khăn
01	Khối Mầm	4	111	50	6	1		

02	Khối Chồi	6	185	97	10	6	-	6
03	Khối Lá	7	241	119	9	4	1	4
	<b>Tổng</b>	<b>17</b>	<b>537</b>	<b>226</b>	<b>25</b>	<b>11</b>	<b>1</b>	<b>10</b>

## **2. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc**

\* **Chỉ tiêu:**

- Trẻ đến trường được đảm bảo an toàn 100% cả về thể chất và tinh thần, không xảy ra dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm trong trường.

- 100% trẻ ăn bán trú được cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng theo nhu cầu và khẩu phần ăn trên lớp. Ăn hết khẩu phần, ăn ngon miệng. Năng lượng của trẻ cung cấp ở trường là 50 – 55 % nhu cầu cả ngày: 615-726 Kcal.

- 100 % trẻ được cung cấp đầy đủ nước uống, mỗi trẻ được cung cấp từ 1,6 – 2 lít nước/ trẻ/ ngày ( kể cả nước trong thức ăn ). 100% trẻ đi học được ngủ đúng giờ, đủ giấc. Trẻ ngủ trưa khoảng 150 p.

- 100 % trẻ được rửa tay, rửa mặt dưới vòi nước sạch, biết vệ sinh rửa tay, rửa mặt theo qui trình, trẻ 5 tuổi biết cách chải răng theo y/c. Trẻ 3 - 4; 4 - 5 tuổi được làm quen với cách đánh răng và súc miệng bằng nước muối sinh lý.

- 100 % trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và được đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới.

- Có ít nhất 95- 97% trẻ khỏe mạnh và phát triển bình thường thể nhẹ cân, 97% trẻ phát triển bình thường về chiều cao. 100% trẻ bị suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng của trẻ so với đầu năm.

\* **Học phí:**

- Thu theo quy định của Nghị quyết số 24/2023, ngày 30/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với trẻ 3-4; 4-5 tuổi;

Năm học 2024-2025 không thu học phí đối với trẻ 5 tuổi bắt đầu thực hiện từ tháng 9/2024 theo công văn số 2914/UBND-KGVC, ngày 24/5/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông.

**\* Thu, chi dịch vụ ( thu hộ, chi hộ) phục vụ nhu cầu bán trú của HS : thực hiện theo Nghị quyết 06/NQ-HĐND, khi có Nghị quyết điều chỉnh Nghị quyết 06 nhà trường thực hiện thu theo quy định mới.**

**- Chăm sóc nuôi dưỡng:**

+ **Tiền ăn:** Thu 25.000đ/em/ngày.

+ **Tiền thuê người nấu ăn:**

a. Mức thu: 100.000đ/học sinh /tháng.

b. Mức chi:

- 80% chi trả tiền công trực tiếp cho người nấu ăn gồm: 9 người. Trong đó, 1 bếp trưởng chi khoảng từ 11,7%; 1 bếp phó chi khoảng từ 11,5%; 7 nhân viên chi khoảng từ 76,8 %

- 20% chi trả cho công tác quản lý hành chính, cán bộ quản lý, nhân viên có liên quan. Trong đó, chi quản lý hành chính 2%; chi Hiệu trưởng 22%; Phó hiệu trưởng 36%; nhân viên kế toán, thủ quỹ 34%; Bảo vệ 6,0 %

**- Chăm sóc giấc ngủ.**

a. Mức thu: 120.000đ/học sinh/tháng

c. Mức chi:

- 80% chi trả cho người thực hiện nhiệm vụ cho học sinh ăn, ngủ, giữ trẻ buổi trưa ( 34 GV)

- 20% chi trả cho công tác quản lý hành chính, cán bộ quản lý, nhân viên có liên quan. Trong đó, chi quản lý hành chính 2%; Hiệu trưởng 22%; Phó hiệu trưởng 36%; nhân viên kế toán, thủ quỹ 34%; Bảo vệ 6,0%

Các khoản thu trên được tính bắt đầu thu từ tháng 9/2024 cho đến hết năm học. Thực hiện các khoản thu qua phần mềm Misa

**\* Đồ dùng bán trú:**

**Mức Thu:**

a. Trang bị đầu cấp: 250.000đ/trẻ/năm học

b. Trang bị hàng năm: 50.000đ/trẻ/năm học

( Kế hoạch thu đầu năm học sau khi hội nghị cha mẹ học sinh thống nhất để trang bị phục vụ bếp ăn bán trú cho cả năm học)

**Dự kiến chi:** Mua sắm đồ dùng phục vụ ăn, ở bán trú cho học sinh

**Trang thiết bị cá nhân đối với học sinh ăn ở bán trú** ( khăn mặt, bà chải đánh răng... phụ huynh tự trang bị cho con em mình

**Tiền nước uống:** 8.000đ/học sinh/tháng

**Tiền thuê người vệ sinh:** 10.000đ/học sinh/tháng

**Ghế ngồi chào cờ** ( các ngày lễ) học sinh đầu cấp: phụ huynh tự trang bị cho con em mình

**Ghi chú:** dự toán mức thu chi trên có sự điều chỉnh khi có văn bản sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Nghị quyết 06/NQ-HĐND

Thực hiện đúng Thông tư 09/2024, ngày 13/6/2024 của Bộ GD&ĐT về thực hiện công khai trong trường học.

**3. Chất lượng giáo dục**

Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt 100%.

**4. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ CBQL và GVMN**

**\* Chỉ tiêu**

- Phần đầu 100% cán bộ quản lý, giáo viên có ý thức tự học, tự rèn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, vận

dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp giáo dục tiên tiến để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30 % đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

- 100% cán bộ, giáo viên, công nhân viên chấp hành nghiêm túc Chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- 100% các lớp triển khai và thực hiện công nghệ thông tin, công nghệ số, chuyển đổi số. Phần đầu các lớp nộp tiền các khoản qua hệ thống đạt 70%;

- Có 100 % giáo viên trở lên tham gia học và biết sử dụng công nghệ thông tin. Biết sử dụng phần mềm Kitmads để hướng dẫn trẻ tham gia học tập, vui chơi trên máy, biết thiết kế bài giảng bằng POWERPOINT, soạn giáo án bằng vi tính. Thực hiện chuyển đổi số, Đăng ký tài khoản định danh điện tử...

### **5. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa**

- Tiếp tục tuyên truyền, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2025.

- Thực hiện Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ về hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực GD và ĐT.

- Nhà trường nghiên cứu, học hỏi, áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

- Việc tiếp nhận tài trợ diễn ra ở mọi thời điểm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các cá nhân và tổ chức có lòng hảo tâm...

- Xây dựng kế hoạch phát triển GDMN trong đó ưu tiên lồng ghép các nội dung xã hội hóa; phát triển phù hợp điều kiện, mức độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các giải pháp tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển GDMN theo hình thức đối tác công tư (PPP).

### **6. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin**

- Có 100 % giáo viên trở lên tham gia học và biết sử dụng công nghệ thông tin. Biết sử dụng phần mềm Kitmads để hướng dẫn trẻ tham gia học tập, vui chơi trên máy, biết thiết kế bài giảng bằng POWERPOINT, soạn giáo án bằng vi tính.

- Triển khai quyết định 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 về đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính, ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành, tuyển sinh, chăm sóc, giáo dục trẻ, công khai chất lượng giáo dục, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu ngành và dữ liệu PCGD-XMC.



- Tăng cường ứng dụng CNTT để từng bước chuyển đổi hồ sơ giấy, sang hồ sơ điện tử, hỗ trợ trong quản lý ( lập kế hoạch, theo dõi, chỉ đạo, quản lý bán trú, đồ dùng, đồ chơi...) để nâng cao chất lượng quản lý trong nhà trường.

- Từng bước số hóa các nội dung giáo dục, triển khai các phương tiện trực tuyến để hướng dẫn, hỗ trợ CBQL, GV, cha mẹ trong ND, CS, GD trẻ.

## **7. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non**

- Chủ động thông tin, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động truyền thông, quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ, Sở, ngành Giáo dục và Đào tạo về đổi mới và phát triển GDMN. Phối hợp với cơ quan Báo, Đài truyền hình thành phố, tỉnh tăng cường thông tin, truyền thông về giáo dục mầm non, đề xuất tôn vinh những tấm gương điển hình, tiêu biểu có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển GDMN.

- Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông trong việc phổ biến thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về GDMN; Truyền thông về kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Đẩy mạnh việc phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ và cộng đồng bằng nhiều hình thức thông qua ngày hội, ngày lễ, các hội thi, các hoạt động trải nghiệm đối với khối lớp lá,... bảo đảm hiệu quả, phù hợp, có sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

## **8. Công tác thi đua khen thưởng**

Thực hiện theo Luật thi đua khen thưởng hiện hành và các văn bản hướng dẫn về công tác thi đua khen thưởng của các cấp có thẩm quyền.

### **9. Các hoạt động khác:**

*\* Công tác chỉ đạo điều hành:*

- Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025. Quy chế dân chủ, quy chế tổ chức và hoạt động. Quy chế Thi đua – Khen thưởng, quy chế phối hợp, quy chế công khai và quy chế chi tiêu nội bộ; Bộ quy tắc ứng xử...

*\* Công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy:*

- Phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Thực hiện quy trình bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, quy hoạch...Kiện toàn các tổ chức đoàn thể, bãi nhiệm, bổ nhiệm các chức danh: Tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, tổ văn phòng...

*\* Việc cải cách tài chính công:*

- Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số:130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự

nghiệp công lập: Trường thực hiện nghiêm túc và báo cáo quyết toán tài chính, đối chiếu với kho bạc hàng quý.

- Thực hiện việc thu, chi học phí, ngân sách theo đúng quy định. Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, bổ sung, điều chỉnh đảm bảo đúng tình hình thực tế.

- Căn cứ theo Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ tài chính về qui định chế độ công tác phí, chế độ tổ chức các Hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ chi tiết, cụ thể. Quy chế chi tiêu nội bộ được thông qua Hội nghị cán bộ, viên chức lấy ý kiến bổ sung và thống nhất thực hiện.

- Soạn thảo văn bản theo đúng qui định của Nghị định 30/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020. Hướng dẫn các thủ tục thanh quyết toán không chi tiền mặt, tập huấn chuyển đổi số, đăng ký tài khoản định danh điện tử...

#### **10. Cơ sở vật chất:**

Tiếp tục tham mưu có hiệu quả Đề án “Đảm bảo cơ sở vật chất thực hiện Chương trình GDMN 2018 - 2025”, đáp ứng yêu cầu duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; Nâng cao chất lượng xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn II.

Đề xuất sửa chữa những công trình bị hư hỏng, nâng cấp đồ dùng, đồ chơi đáp ứng tiêu chuẩn CSVC quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020.

Tiết kiệm nguồn kinh phí chi thường xuyên mua sắm, bổ sung bàn ghế học sinh còn thiếu, bổ sung thêm quạt, nâng cấp, sơn sửa dãy nhà hiệu bộ, sửa chữa hệ thống dây điện, bóng điện, hệ thống nước, hệ thống phòng cháy; đồ dùng, đồ chơi ngoài trời, kệ tủ; sân trường, xử lý thấm giọt dẫy khối lớp mầm, chòi... Thông tư 45/2021/TT- BGDĐT, 31/12/2021 Quy định xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN; Thông tư 47/2020/TT- BGDĐT, 31/12/2020 Quy định lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong cơ sở GDMN. Nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II.

Phát huy phong trào làm đồ dùng đồ chơi tự tạo từ nguyên vật liệu sẵn có phù hợp với văn hóa địa phương, gắn với cuộc sống của trẻ. rà soát đồ chơi ngoài trời, đề xuất cấp mới, huy động nguồn lực để mua sắm bổ sung tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị, học liệu, các điều kiện để thực hiện Chương trình GDMN theo yêu cầu chuẩn hóa và hiện đại.

Thực hiện các chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và Nghị quyết số 35/NQ - CP ngày 04/06/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2025.

Trên đây là báo cáo tổng kết Hội đồng trường năm học 2023-2024 và kế hoạch phát triển nhà trường 2024-2025, các thành viên trong Hội đồng trường đánh giá lại quá trình thực hiện kế hoạch chiến lược theo từng giai đoạn đã đề ra. Điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình hoạt động, phát triển của nhà trường trong năm học 2024 – 2025./.

*Nơi nhân:*

- Như trên;
- Lưu hồ sơ HĐT./

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG  
CHỦ TỊCH**

**HIỆU TRƯỞNG  
Lê Thị Nguyên**